

Bản án số: 59/2023/DS-ST

Ngày 06-11-2023.

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tiến Tịnh và ông Phan Sỹ Phác.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2023/TLST-DS, ngày 09/3/2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXXST-DS, ngày 08/9/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69a/2023/QĐST – DS, ngày 06/10/2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1982 – Có mặt.

Địa chỉ: Số H, Trần Ph, tổ dân phố A, thị trấn Đăk Mil, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1983 – Vắng mặt.

Bà Quách Thị H, sinh năm 1991 – Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đắc Q, xã Đăk L, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn Tr – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Thuận S, xã Thuận A, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1985 - Có mặt.

Địa chỉ: Số H, Trần Ph, tổ dân phố A, thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đắc Phúc, xã Đắc Lao, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2023 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 02/3/2023), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:

Ông H làm xưởng mộc, có làm bộ bàn ghế 10 món, tay 13, gỗ cẩm lai. Ông D đến xưởng mộc của ông H khi nhìn thấy bộ bàn ghế 10 món, tay 13, gỗ cẩm lai do xưởng mộc của ông H đóng, ông D hỏi và được ông H cho biết bộ bàn ghế trên có giá 127.000.000 đồng, ông D trao đổi với ông H là để ông D bốc bộ bàn ghế ra nhà ông D thuê ở số nhà 21, đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông trưng bày chờ khách đến xem và mua thì ông H đồng ý. khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 08/6/2020 ông D cho xe đến xưởng mộc của ông H để bốc bộ bàn ghế trong xưởng ông H ra nhà ông D. Khi ông D bốc bộ bàn ghế trên ra nhà ông D trưng bày thì giữa hai bên không làm giấy tờ gì về việc giao dịch. Ngày 09/6/2020 ông D vào thông báo với ông H khách đã xem và đồng ý lấy chờ ngày bốc và đưa cho ông H số tiền 7.000.000 đồng, khi đưa tiền các bên không viết giấy biên nhận tiền. Ngày 10/6/2020 ông H có ghé qua chỗ ông D để xem ông D đã bán được bộ bàn ghế chưa, khi không thấy bộ bàn ghế còn ở đó ông H vào hỏi ông D thì ông D nói đã bán cho khách, sang tuần họ trả tiền cho ông D thì ông D sẽ trả tiền cho ông H. Sau đó, ông H có đến nhà ông D 04 đến 05 lần để đòi tiền nhưng ông D cứ khất nợ. Các bên không thương lượng được nên ông H đã làm đơn tố cáo ông D, bà H đến Đội Điều tra tổng hợp công an huyện Đắk Mil. Quá trình làm việc ông D, bà H trả thêm cho ông H 49.000.000 đồng, số tiền còn lại ông D, bà H làm giấy hẹn giấy hẹn ông H đến ngày 30/7/2020 sẽ thanh toán nốt với số tiền là 71.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn hẹn, ông H đã nhiều lần yêu cầu ông D, bà H trả số tiền nợ còn lại ông D, bà H vẫn không trả. Do đó, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu ông D, bà H trả cho ông số tiền 71.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền khi mua bộ bàn ghế còn nợ là 71.000.000 đồng. Đối với việc ông D, bà H trình bày đã trả cho ông Tr 30.000.000 đồng thì ông không biết, ông có nhờ ông Lê Văn Tr đến nhà ông Nguyễn Văn D và bà Quách Thị H để tác động đòi tiền cùng

ông hai lần, vợ chồng ông không làm uỷ quyền cho ông Tr đi đòi nợ như ông D, bà H trình bày.

Bị đơn ông Lê Văn Dân, bà Quách Thị H trình bày:

Ông bà có mua 01 một bộ bàn ghế 10 món, tay 13, gỗ cẩm lai, giá 127.000.000đ (Một trăm hai mươi bảy triệu đồng) của ông H, đã trả 02 lần được 56.000.000. Số tiền còn lại 71.000.000 ông bà viết giấy hẹn sẽ trả ngày 30/7/2020. Sau đó, ông H có dẫn ông Tr đến nhà ông bà để đòi tiền. Ông H nói ông đã nhờ ông Tr thay mặt ông để đòi tiền ông D (lúc đó ông có nghe ông H nói ông Tr là người chuyên đòi nợ thuê). Sự việc này có vợ ông là bà Quách Thị H chứng kiến. Đến khoảng tháng 9 hay tháng 10 năm 2020, ông H và ông Tr đến nhà ông, đưa cho ông 01 tờ giấy đã ghi sẵn nội dung, ông chỉ nhớ có nội dung “ông D có mua bộ bàn ghế của ông H, đã thanh toán rồi còn lại 71.000.000đ”, đã đưa 30.000.000đ, còn 41.000.000đ hẹn đến ngày trả thì tôi không nhớ” và ông H có ký vào giấy thoả thuận đã nhận 30.000.000đ chứ ngày hôm đó ông D không đưa 30.000.000đ. Sau khoảng 3-4 ngày thì ông Tr đi xe đến nhà ông D và ông D đã đưa trực tiếp cho ông Tr 30.000.000đ. Còn việc ông Tr có đưa lại cho ông H số tiền này không thì ông không được biết. Sau đó, ông Tr đến đòi 41.000.000đ nhưng do ông chưa có tiền nên đã thoả thuận bằng lời nói với ông Tr là ông chở lên nhà ông Tr giao cho ông Tr 01 bộ bàn ghế Nhật lùn làm bằng gỗ muồng rừng, trị giá khoảng 20.000.000đ; 02 tủ rượu cẩm sừng giá khoảng 11.000.000đ/tủ; 04 đầu cao của giường đục bằng gỗ gáo giá khoảng 3.000.000đ – 4.000.000đ. Ông D có nói với ông Tr “anh hẹn ngày sớm nhất sẽ trả số tiền 41.000.000đ và sẽ lấy đồ về”. Từ đó đến nay, ông và ông Tr chưa gặp lại nhau nhưng ông đi qua nhà ông Tr thì ông không còn nhìn thấy những món đồ ông đã mang đến để làm tin về việc sẽ trả 41.000.000đ. Hiện nay, ông vẫn chưa trả 41.000.000đ cho ông Tr. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông D, bà H không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Bà Ng đồng ý với lời trình bày của ông Lê Văn H, không có việc chồng bà là ông H và bà uỷ quyền cho ông Tr đi đòi ông D, bà H số tiền 71.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn Tr: Đã được Toà án triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án làm việc, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông không biết sự việc mua bán bàn ghế giữa ông H và ông D. Tuy nhiên, sau khi các bên xảy ra mâu thuẫn, ông H có nhờ ông cùng đi lên nhà ông D để nói chuyện. Ông có đứng ra hoà giải cho hai bên. Ông có chứng kiến việc ông D trả cho ông H 50.000.000 đ tại cơ quan điều tra công an huyện Đắk Mil và viết giấy nợ 71.000.000đ. Ông D có nhờ ông cầm 30.000.000đ đến trả cho ông H nhưng ông H không có nhà, đưa cho vợ ông H là bà Ng nhưng bà Ng không nhận mà yêu cầu phải trả một lần 71.000.000đ. Do đó ông cầm tiền về đưa lại cho ông D. Ngoài ra, ông D có nhờ ông đi bốc hộ 01 bò bàn ghế nhật lùn, 02 tủ rượu to và mấy cái đầu giường (ông không nhớ cụ thể là mấy cái).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa đúng.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 357; Điều 430; Điều 440 của Bộ luật dân sự (BLDS).

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Quách Thị H trả cho ông Lê Văn H số tiền 71.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản nợ, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của BLDS.

Về án phí: Ông D, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Văn H khởi kiện ông Nguyễn Văn D, bà Quách Thị H phải thanh toán số tiền nợ do ông D, bà H mua bộ bàn ghế và còn nợ lại số tiền 71.000.000 đồng. Vì vậy đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Ông Nguyễn Văn D, bà Quách Thị H trú tại: Thôn Đắk Q, xã Đắk L, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Quách Thị H: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông D, bà H có tình vắng mặt trong quá trình Tòa án hòa giải và xét xử. Ông Lê Văn Tr là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Tr có tình vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết. Như vậy, ông D, bà H, ông Tr đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đó là quyền được pháp luật bảo vệ, điều đó cũng thể hiện bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã không tôn trọng pháp luật quy định tại Điều 6, Điều 72, Điều 73 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà H, ông Tr theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của BLTTDS.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng mua bán tài sản giữa ông H, ông D, bà H được thể hiện tại bản cam đoan đề ngày 17/7/2020 thời hạn trả ngày 30/7/2020. Kể từ thời điểm ông Nguyễn Văn D, bà Quách Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến thời điểm ông Lê Văn H khởi kiện ông D, bà H ra Tòa án để yêu cầu Tòa án buộc ông D, bà H trả số tiền còn nợ do mua bộ bàn ghế 10 món, tay 13, gỗ cẩm lai của ông H với số tiền 71.000.000 đồng còn nợ lại. Do vậy, không vi phạm thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 184 của BLTTDS và Điều 429 của BLDS.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét nội dung khởi kiện của ông H yêu cầu Tòa án buộc ông D, bà H phải trả số tiền nợ còn lại do mua bộ bàn ghế 10 món, tay 13, gỗ cẩm lai với số tiền 71.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Lời khai của các đương sự thể hiện ông H thực hiện giao dịch bán tài sản là bộ bàn ghế 10 món, tay 13, gỗ cẩm lai cho ông D, bà H, giá trị bộ bàn ghế là 127.000.000 đồng, các bên đều thừa nhận việc trên.

Quá trình làm việc, Tòa án đã tiến hành làm việc và đối chất với các đương sự, các đương sự trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thấy rằng việc mua bán tài sản là bộ bàn ghế 10 món, tay 13, gỗ cẩm lai, giá trị bộ bàn ghế là 127.000.000 đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Theo khoản 1 Điều 117 của BLDS thì giao dịch mua bán tài sản là bộ bàn ghế 10 món, tay 13, gỗ cẩm lai, giá trị bộ bàn ghế là 127.000.000 đồng giữa ông H,

ông D, bà H đủ điều kiện có hiệu lực từ đó làm phát sinh nghĩa vụ. Nội dung bản cam đoan về việc trả tiền thể hiện giữa các bên có thỏa thuận cụ thể về thời hạn trả tiền mua bán bộ bàn ghế. Nội dung giấy cam đoan thể hiện giữa các bên có thỏa thuận cụ thể về thời hạn trả nợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 của BLTTDS quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Việc mua bán giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, đáp ứng đủ điều kiện được quy định tại Điều 430 BLDS quy định *“Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán”*. Do đó, hợp đồng mua bán tài sản giữa ông H, ông D, bà H là hợp pháp. Đến hạn theo giấy cam kết ông H, bà H không trả được số tiền 71.000.000 đồng cho ông H theo thỏa thuận nên ông D, bà H đã vi phạm nghĩa vụ dân sự theo khoản 1 Điều 351 của BLDS *“1. Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”*. Do ông D, bà H vi phạm nghĩa vụ nên ông H khởi kiện yêu cầu ông D, bà H trả số tiền còn lại của việc mua bán tài sản là bộ bàn ghế ghế 10 món, tay 13, gỗ cẩm lai với số tiền 71.000.000 đồng là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[2.2] Xét lời trình bày của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án: Ông D, bà H cho rằng ông, bà đã trả cho ông Tr là người được ông H dẫn đến để đòi tiền ông D, bà H và ông D, bà H đã trả cho ông Tr số tiền 30.000.000 đồng, đối với số tiền còn lại 41.000.000 đồng thì ông D, bà H đã thỏa thuận bằng lời nói với ông Tr là ông D chở lên nhà ông Tr 01 bộ bàn ghế nhật lùn làm bằng gỗ muồng rừng giá khoảng 20.000.000 đồng trở lại, 02 tủ rượu cẩm sừng giá khoảng 11.000.000 đồng cho 01 tủ, 04 đầu cao của giường đục bằng gỗ gáo giá khoảng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng. Sau khi chở lên nhà ông Tr thì ông D có trao đổi với ông Tr là *“Anh hẹn ngày sớm nhất sẽ trả số tiền 41.000.000 đồng và sẽ lấy đồ về”* nhưng quá trình làm việc cũng như quá trình đối chất tại buổi làm việc nguyên đơn không thừa nhận, ông D, bà H không cung cấp, giao nộp được tài liệu chứng cứ chứng minh về việc ông, bà trình bày nên theo quy định khoản 2, khoản 4 Điều 91 BLTTDS quy định:

...

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

...

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Việc ông D, bà H không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho phản đối của mình là có căn cứ, do đó, HĐXX không có căn cứ chấp nhận quan điểm của bị đơn.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ ông H là bà Nguyễn Thị Ng trình bày: Số tiền 71.000.0000 đồng ông H kiện ông D, bà H là tiền chung của của vợ chồng là tài sản chung vợ chồng, ông H cũng thừa nhận là tiền chung của vợ chồng nên Tòa án đưa bà Ng vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Ng chỉ yêu cầu ông D, bà H trả cho ông H số tiền còn lại 71.000.000 đồng. HĐXX xét thấy quan điểm của bà Ng phù hợp cần chấp nhận.

[3]. Về án phí: Căn cứ tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn ông D, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 71.000.000 đồng x 5% = 3.550.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil theo quy định. Hoàn trả ông Lê Văn H số tiền 1.175.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Lê Văn H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil theo biên lai số 0007141/BL-THA, ngày 09/3/2023.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 68; Khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91; Điều 93;

Khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 184; Điều 196; Điều 205; Điều 208; Điều 210; Khoản 1 Điều 220; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 của BLTTDS.

Áp dụng khoản 1 Điều 351; Điều 357; Điều 429; Điều 430; Điều 440 của BLDS.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H đối với ông Nguyễn Văn D, bà Quách Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Quách Thị H phải trả cho ông Lê Văn H số tiền của việc mua bán tài sản là bộ bàn ghế 10 món, tay 13, gỗ cẩm lai với số tiền 71.000.000 đồng (*Bảy mươi một triệu đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Quách Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 3.550.000 đồng (*Ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil theo quy định.

Hoàn trả ông Lê Văn H số tiền 1.175.000 đồng (*Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà ông Lê Văn H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil theo biên lai số 0007141/BL-THA, ngày 09/3/2023.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.**

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Đường sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Huệ